TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01-4-2024.
V/v tranh chấp "Chia tài sản sau khi ly hôn và hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Chính;

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Từ ngày 28 tháng 3 đến ngày 01 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp "C*hia tài sản sau khi ly hôn và hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hồ Kim N, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Trần Hoàng P, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Hồ Văn K, sinh năm 1983 (văn bản ủy quyền chứng thực ngày 19/7/2023, có mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 8, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khu phố 1, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An.

- Ông Hồ Minh U, sinh năm 1951 (cha ruột bà N, xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm 5, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Ông Trần Văn O, sinh năm 1941 (cha ruột ông P, có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp An Hưng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông O: Bà Huỳnh Mỹ S - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Ông Trần Văn D, sinh năm 1983 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (vợ ông D; ông D và bà L xin vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Ngân hàng N(A).

Địa chỉ trụ sở: Số 2, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hoàng Đ - Thành viên Hội đồng thành viên, Phụ trách Hội đồng thành viên.

Người đại diện theo ủy quyền của N hàng: Ông Lê Tấn N – Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh A Chi nhánh huyện N (*Quyết định ủy quyền ngày 21/6/2023, xin vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn, bà Hồ Kim N trình bày:**

Bà Hồ Kim N và ông Trần Hoàng P kết hôn năm 1987, có với nhau hai người con chung. Quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà Hồ Kim N yêu cầu ly hôn với ông Trần Hoàng P và được Tòa án nhân dân huyện Năm Căn giải quyết bằng bản án số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 09/01/2023; các người con đã trưởng thành nên không xem xét việc nuôi dưỡng, về tài sản chung và công nợ các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, các bên không tự thỏa thuận phân chia tài sản và nghĩa vụ thanh toán nợ, nay bà N yêu cầu chia tài sản chung gồm:

- Một phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 29.680m^2, thửa số 822, tờ bản đồ 42 tọa lạc Khóm S, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, phần đất được Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 24/6/2022 do bà Hồ Kim N đứng tên, giá trị 2.374.400.000 đồng.

- Một phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 16.680m^2, phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, tọa lạc tại Khóm S, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, cặp ranh phân đất diện tích 29.680m^2 và chưa tách thửa thực địa riêng, giá trị 1.305.600.000 đồng.

- Một căn nhà cấp 4 xây cất năm 2012, cất trên phần đất diện tích 29.680m^2, tọa lạc tại Khóm S, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, giá trị 300.000.000 đồng.

Nợ thu: Không có.

Về nợ trả:

Nợ Ngân hàng Nsố tiền 1.400.000.000 đồng (chưa đóng lãi 4 tháng); Mục đích vay để trang trải cho con ăn học và chi xài trong gia đình, trả nợ cho người con trai lớn vì bị vỡ hụi.

Nợ ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị L tiền cố đất 500.000.000 đồng.

Nợ ông Trần Văn O số tiền 112.000.000 đồng, trong đó có 105.000.000 đồng tiền vốn ông O gửi để hàng tháng vợ chồng bà N gửi lại ông O 500.000 đồng để ông O sử dụng cá nhân (không trừ vốn) và tiền ông O nhờ ông P bán gà là 7.000.000 đồng.

Nợ ông Hồ Minh U số tiền 30.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K, đây là khoản nợ mượn dùng vào việc chi xài trong gia đình.

Nợ ông Nguyễn Thanh T 32.000.000 đồng, khoản tiền này ông P cũng đã biết vì ông T có trao đổi chung với vợ chồng bà N, ông P.

Nay bà N yêu cầu Tòa án chia đôi các tài sản chung, giao ông P nhận căn nhà, ông P giao ½ giá trị nhà cho bà N là 160.000.000 đồng. Về các phần đất và các tài sản sinh hoạt khác trong gia đình, bà N và ông P mỗi người nhận ½; chia đôi phần nợ trả.

*** Bị đơn, ông Trần Hoàng P, trình bày:**

Về tài sản: Thống nhất chia đôi tài sản chung theo yêu cầu của bà N, ông P đồng ý nhận nhà và ½ các phần đất tọa lạc tại Khóm S, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; ông P giao cho bà N ½ giá trị căn nhà bằng 160.000.000 đồng

Về công nợ:

+ Về khoản nợ đã vay của N hàng A, ông P chỉ thừa nhận số tiền 400.000.000 đồng, vay năm nào ông P không nhớ, ông đồng ý chia đôi mỗi người trả 200.000.000 đồng.

+ Nợ ông Trần Văn D tiền cố phần đất tọa lạc tại ấp An Hưng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau giá 500.000.000 đồng, ông P đồng ý chia đôi, mỗi người trả 250.000.000 đồng.

Các khoản nợ khác ông P không thống nhất thanh toán vì đó là khoản nợ riêng của bà N.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Trần Văn O có yêu cầu độc lập trình bày**: Đối với khoản nợ 112.000.000 đồng, trong đó có tiền gửi cho bà N quản lý 105.000.000 đồng và tiền nhờ ông P bán gà giúp là 7.000.000 đồng. Nay ông O chỉ yêu cầu bà N thanh toán tổng số nợ 112.000.000 đồng, không yêu cầu ông P có trách nhiệm thanh toán.

Ngoài ra, trước đây ông O có hứa cho bà N và ông P một phần đất 13.560m^2 tọa lạc tại ấp An Hưng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau nhưng chưa chuyển tên quyền sử dụng, sau đó ông O đồng ý việc bà N và ông P cầm cố phần đất này cho vợ chồng ông D với số tiền 500.000.000 đồng. Ông O

chỉ yêu cầu bà N và ông P thanh toán số tiền cố đất cho ông D, về phần đất giữa ông O, bà N và ông P sẽ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu dộc lập- Ông Hồ Minh U trình bày**: Ngày 19/4/2017 âm lịch, bà N và ông Trần Hoàng P có mượn (vay không lãi) của ông U 03 chỉ vàng 24k và 30.000.000 đồng, khi mượn thì bà N là người trực tiếp mượn, mục đích mượn là lo cho các con ăn học và chi xài trong gia đình. Ông Trần Hoàng P biết khoản nợ này vì ông U có thông báo cho ông P, các con và các cháu trong gia đình biết. Bà N và ông P có hứa khi nào ông U bệnh tật hay cần tới thì trả nợ và chăm lo cho ông U sau này. Nay bà N và ông Trần Hoàng P yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn nên ông U yêu cầu bà Hồ Kim N và ông Trần Hoàng P cùng có trách nhiệm thanh toán khoản nợ 03 chỉ vàng 24k và 30.000.000 đồng.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị L thống nhất trình bày:** Ngày 08/9/2021, vợ chồng ông D, bà L với bà Hồ Kim N, ông Trần Hoàng P có lập hợp đồng cầm cố đất, diện tích 13.560m^2 tọa lạc tại ấp An Hưng, xã Trần Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, phần đất này do ông Trần Văn O (cha của ông P) đứng tên quyền sử dụng, ông O đồng ý việc bà N và ông P cầm cố QSD đất với số tiền 500.000.000 đồng, hợp đồng được lập thành văn bản, thời hạn 10 năm, giấy chứng nhận QSD đất hiện nay vợ chồng ông D, bà L đang quản lý. Do hợp đồng này chưa đến hạn nên ông D và bà L không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Khi hết hạn hợp đồng thì vợ chồng ông D, bà L với ông O, bà N và ông P tự thỏa thuận giải quyết và không yêu cầu Tòa án xem xét.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập – Đại diện Ngân hàng N trình bày**: Vào ngày 13 tháng 6 năm 2023, sau quá trình thoả thuận thống nhất, Chi nhánh NHNo&PTNT huyện Năm Căn ký kết hợp đồng tín dụng số 7509-LAV-202301542 với bà Hồ Kim N, cụ thể: Tổng mức cấp tín dụng tối đa 1.650.000.000 đồng (một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng); lãi suất cho vay 10,1%/năm; mục đích vay: Mua bán tôm giống; Thời hạn hiệu lực của hạn mức 12 tháng, kể từ ngày ký hợp đồng này.

Để đảm bảo cho hợp đồng tín dụng nói trên, A chi nhánh huyện Năm Căn và bà Hồ Kim N, ông Trần Hoàng P đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7509-LCL-202200570 ngày 07/7/2022. Tài sản thế chấp là: QSD đất số DG605076 do Sở TN&MT tỉnh Cà Mau cấp ngày 24/6/2022, diện tích 29.680m^2 do bà Hồ Kim N đứng tên, số thửa 822, tờ bản đồ số 42, tòa lạc tại khóm S, thị Trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Tính đến ngày 28/3/2024, tổng dư nợ hợp đồng tín dụng của bà Hồ Kim N tạm tính là: 1.681.619.645 đồng. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của N hàng, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Buộc bà Hồ Kim N và những người có nghĩa vụ liên quan có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng A toàn bộ số tiền tạm tính đến ngày 28/3/2024 là: 1.681.619.645 đồng (trong đó: Nợ gốc: 1.535.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 122.753.739 đồng; Nợ lãi quá hạn 23.865.906 và lãi phát sinh theo mức

lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 7509-LAV-202301542, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra bản án/quyết định cho đến ngày bà Hồ Kim N và những người có nghĩa vụ liên quan trả hết nợ gốc cho A.

Trường hợp bà Hồ Kim N và những người có nghĩa vụ liên quan không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán thì yêu cầu được xử lý tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7509-LCL-202200570 ngày 07/7/2022 để đảm bảo thu hồi nợ vay gốc và các khoản lãi suất phát sinh cho N hàng.

*** Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Thanh T:** Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông T không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà N và ông P nợ tiền. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Nguyễn Thanh T vẫn vắng mặt 02 lần không có lý do.

*** Tại phiên tòa:**

- Bà Hồ Kim N trình bày: Bảo lưu yêu cầu khởi kiện nêu trên, về giá trị tài sản tranh chấp giữa bà và ông P tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà không yêu cầu phân chia tiền xổ vuông do ông P quản lý từ tháng 4 năm 2023 đến nay. Đối với chi phí tố tụng bà yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Hồ Văn K - Người đại diên hợp pháp của ông P trình bày:

Đồng ý việc thỏa thuận chia tài sản của bà N, về giá trị tài sản tranh chấp tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông P được nhận ½ phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 22.339,05m^2, (phần đất được cắt đôi từ mặt tiền đến mặt hậu của 02 phần đất mà bà N và ông P đang sử dụng) phần đất có căn nhà và cống xổ vuông, tọa lạc tại Khóm S, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau; giao bà N nhận ½ phần đất còn lại; ông P nhận căn nhà và giao cho bà N ½ giá trị căn nhà và tài sản trong nhà bằng 160.000.000 đồng, ngoài những tài sản bà N yêu cầu nhận thì các tài sản sinh hoạt trong gia đình còn lại và các cây trồng ông P yêu cầu nhận. Về chi phí tố tụng, ông P chịu 300.000 đồng tiền trích lục văn bản, riêng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc yêu cầu chia đôi. Yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu chứng cứ đối với khoản vay 400.000.000 đồng của bà N và ông P tại N hàng N, thu thập chứng cứ về việc sử dụng số tiền vay N hàng của bà N. Khoản vay ngày 13 tháng 6 năm 2023 của N hàng là sau khi ly hôn, các khoản nợ khác ông P không đồng ý trả là do bà N không sử dụng vào mục đích gia đình. Riêng khoản nợ của vợ chồng ông D và bà L chưa đến hạn thanh toán nên yêu cầu tách ra giải quyết bằng vụ án khác.

- Ông Trần Hoàng P trình bày: Thống nhất với lời trình bày của ông K. Thời gian chung sống với bà N thì bà là người quản lý chi tiêu trong gia đình, gửi tiền, chăm lo cho các con ăn học, quán xuyến các công việc trong và ngoài của gia đình, tiền xổ vuông hàng tháng có được ông P cũng giao luôn cho bà N quản lý.

- Bà Huỳnh Mỹ S - Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông O trình bày: Bà N nợ ông O 03 khoản, vào năm 2018 ông O gửi cho bà N quản lý

60.000.000 đồng để chăm lo cho ông khi về già; năm 2020, ông O định gửi N hàng số tiền 45.000.000 đồng nhưng bà N hỏi vay và hứa mỗi tháng trả lãi cho ông 500.000 đồng, đóng lãi được vài tháng thì ngưng; năm 2021 ông có nhờ ông P bán gà được 7.000.000 đồng, người mua gà tham gia hụi do bà N làm chủ nên đã đối trừ tiền mua gà vào số tiền nợ hụi của bà N. Nay ông O chỉ yêu cầu bà N thanh toán toàn bộ số nợ là 112.000.000 đồng, không yêu cầu ông P và ông Trần Văn Dũng (người mua gà) có trách nhiệm trả nợ.

- Ông Trần Văn O trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà Sự, trong thời kỳ hôn nhân của bà N với ông P thì bà N là người chăm lo mọi mặt của gia đình, ông tin tưởng bà N nên mới giao tiền cho bà quản lý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác đều vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát:

Về phần thủ tục Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự thực hiện đúng không có kiến nghị.

Về nội dung vụ án. Ghi nhận sự thỏa thuận về việc chia tài sản chung giữa bà N và ông P. Chấp nhận yêu cầu thanh toán nợ của bà N, buộc bà N và ông P cùng có trách nhiệm trả các khoản nợ của N hàng, ông O và ông U vì đây là các khoản nợ chung nhằm mục đích chi xài trong gia đình. Đối với khoản nợ của vợ chồng ông D và bà L chưa đến hạn và nợ ông Nguyễn Thanh T do vợ chồng ông D, bà L và ông T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về chi phí tố tụng chấp nhận việc ông P tự chịu 300.000 đồng tiền trích lục hồ sơ, đối với chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và đo đạc bà N và ông P mỗi người chịu ½. Án phí về chia tài sản chung và trả nợ bà N và ông P phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Ông Hồ Minh U, Vợ chồng ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị L, đại diện Ngân hàng N có văn bản yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt các đương sự là có cơ sở.

Ông Nguyễn Thanh T đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên xét xử vắng mặt ông T theo quy định điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

Về quan hệ pháp luật: Bà Hồ Kim N yêu cầu chia tài sản chung với ông Trần Hoàng P; Ngân hàng N, ông Hồ Minh U và ông Trần Văn O yêu cầu bà Hồ Kim N và ông Trần Hoàng P thanh toán nợ vay nên quan hệ pháp luật trong vụ án này là: *"Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn và hợp đồng vay tài sản"*.

[2]. Về nội dung vụ án

Bà Hồ Kim N và ông Trần Hoàng P kết hôn năm 1987, có với nhau hai người con chung. Quá trình chung sống vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà Hồ Kim N ly hôn ông Trần Hoàng P theo bản án số 01/2023/HNGĐ-ST ngày 09/01/2023 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn; tại thời điểm ly hôn, các người

con đã trưởng thành nên không yêu cầu xem xét việc nuôi dưỡng, về tài sản chung và công nợ các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn, các bên không tự thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán nợ dẫn đến xảy ra tranh chấp.

Các tài sản chung mà bà Hồ Kim N và ông Trần Hoàng P tạo lập trong thời kỳ hôn nhân được thể hiện theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/11/2023 (bút lục số: 186 - 190), biên bản đối chất ngày 08/01/2024 (bút lục số 207 - 208) gồm:

- Một phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 29.680m^2, được thể hiện trong bản vẽ hiện trạng vị trí M1-M16-M18-M21, giấy chứng nhận quyền sử dụng (QSD) đất số DG605076 do Sở TN&MT tỉnh Cà Mau cấp ngày 24/6/2022, do bà Hồ Kim N đứng tên, số thửa 822, tờ bản đồ số 42 tọa lạc tại Khóm S, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Giấy chứng nhận hiện đang thế chấp tại N hàng A chi nhánh Năm Căn, ông Trần Hoàng P đang quản lý đất; giá trị thực tế (70 triệu/1.000m^2) là 2.077.600.000 đồng, phần đất có tứ cận:

Mặt tiền giáp lộ xi măng 2,5m

Mặt hậu giáp với phần đất diện tích 14.998,1m^2, của bà N và ông P (phần đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng).

Mặt tiền nhìn vào vách phải giáp đất bà Dương Thị C.

Mặt tiền nhìn vào vách trái giáp đất ông Trịnh Đình H.

- Một phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 14.998,1m^2 tọa lạc tại Khóm S, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, được thể hiện trong bản vẽ hiện trạng vị trí M21-M18-M19-M20, phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, phần đất chưa tách thửa thực địa riêng mà đang sử dụng chung với phân đất diện tích 29.680m^2, ông Trần Hoàng P đang quản lý đất, giá trị thực tế (70 triệu/1.000m^2) là 1.049.867.000 đồng. phần đất có tứ cận:

Mặt tiền giáp phần đất diện tích 29.680m^2 của bà N và ông P.

Mặt hậu giáp với đất ông Trịnh Xuân D.

Mặt tiền nhìn vào vách phải giáp đất bà Dương Thị C.

Mặt tiền nhìn vào vách trái giáp đất ông Trịnh Đình H.

- Một căn nhà cấp 4 xây cất năm 2012, diện tích 127,8m^2, nhà cất trên phần đất diện tích 29.680m^2, tọa lạc tại Khóm S, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Hiện trạng: Nhà hình chữ "L" loại nhà cao cẳng, chiều ngang mặt tiền (1) 4,70m và (2) 4,12m, mặt hậu 8,80m, chiều dài 18m, nhà lợp tol sóng vuông, đóng la phông, đòn tay kẻm, cột bê tông, vách xây tường. Nhà có 02 phòng ngủ, 01 phòng khách và một phòng tắm (Tollet), cửa chính, cửa hông và cửa sau là cửa sắt, 05 cửa xổ, 02 cửa phòng và 01 cửa tollet đều bằng kiếng nhôm, lan can khoảng 20m bằng Inox và gang, nền lót gạch men, giá trị khi cất khoảng 619.000.000 đồng, ông Trần Hoàng P đang quản lý nhà, giá trị thực tế 300.000.000 đồng.

Các tài sản sinh hoạt trong gia đình gồm:

+ Một cái giường bằng cây gỗ miền đông, giá mua 7.000.000 đồng, giá thực tế 2.000.000 đồng;

+ Một bộ Salong bằng cây gỗ miền đông, mua năm 2013, giá mua 20.000.000 đồng, giá thực tế 6.000.000 đồng;

+ Một tủ thờ bằng cây gỗ miền đông, mua năm 2013, giá mua 13.000.000 đồng, giá hiện nay 4.000.000 đồng.

+ Một tủ chén bằng nhôm kiếng, mua năm 2017, giá mua khoảng 3.500.000 đồng, giá hiện nay 1.400.000 đồng.

+ Hai tủ quần áo bằng nhôm kiếng, mua năm 2018, giá mua mỗi cái 4.000.000 đồng, giá hiện nay mỗi cái 2.000.000 đồng.

+ Một tivi hiệu Casper màn hình phẳng, 43Inchs, giá mua 8.000.000 đồng, giá hiện nay 2.000.000 đồng.

+ Một máy lạnh hiệu Panasonic, mua năm 2018, loại 01 ngựa, giá mua 10.000.000 đồng, giá hiện nay 3.000.000 đồng.

+ Một giàn khoan, máy dầu hiệu Dang Đông, dùng để cải tạo đất, mua năm 2020, giá mua 32.000.000 đồng, giá hiện nay 15.000.000 đồng.

+ Một đầu máy hiện Siren, mua đã lâu, là tài sản riêng của bà N; 01 chân máy máy may, giá mua 250.000 đồng và 01 chân máy vắt sổ, giá mua 250.000 đồng, các tài sản này hiện nay không còn giá trị.

+ Một cống xổ vuông xây năm 2005, đã bị hư hỏng.

+ Một tủ bếp bằng nhôm kiếng, mua năm 2003, giá mua 1.000.000 đồng, giá trị hiện nay không còn.

+ Một tủ lạnh hiệu Sharp đã hư hỏng, một tủ lạnh hiệu Aqua của riêng ông P.

+ Một tủ ly bằng nhôm kiếng, mua năm 2013, giá mua 1.500.000 đồng, hiện nay không còn giá trị.

+ 06 cái bàn bằng Inox, 18 ghế Inox và 42 ghế nhựa, hiện nay không còn giá trị.

+ 02 bồn nước bằng nhựa loại 1.000 lít, 01 bồn bằng Inox, hiện nay không còn giá trị.

+ Một chòi lá cất phía trước nhà, đã bị hư hỏng.

+ Một chiếc xe hiệu Airblade, mua năm 2012, do bà N đứng tên và đang quản lý sử dụng, giá mua không nhớ, hiện nay đã bị hư hỏng không còn giá trị.

Các cây trồng trên đất:

+ 01 bụi tre gai và 01 bụi tre ăn măng.

+ 07 Cây dừa, trong đó có 03 cây dừa đang cho trái và 04 cây dừa trồng năm 2021.

+ 02 Cây xoài trồng năm 2021.

+ Một số bụi chuối sứ trồng đã lâu.

+ Một đám lá khoảng 1.000m^2 được trồng trên phần đất nuôi trồng thủy sản chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

+ 04 gốc mai lớn trước mặt tiền nhà, trồng khoảng 04 năm, loại mai vàng.

Các tài sản chung có tổng giá trị là 3.464.867 đồng, ông P và bà N thỏa thuận thống nhất tại biên bản hòa giải lập ngày 07/8/2023, biên bản đối chất ngày 08/01/2024, ông P và bà N mỗi người nhận ½ phần đất, giao ông P sở hữu nhà, một số tài sản trong gia đình và các cây trồng, bà N nhận giá trị là 160.000.000 đồng và một số tài sản trong gia đình. Hội đồng xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, không trái quy định pháp luật nên được ghi nhận căn cứ Điều 59, điểm a khoản 2 Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình. cụ thể:

Bà N được chia:

- ½ đất nuôi trồng thủy sản diện tích 22.339,05m^2 (phần đất được cắt từ tiền đến hậu của 02 phần đất mà bà N và ông P đang sử dụng) tọa lạc Khóm S, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, trong đó có một phần chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng và 01 phần nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng do bà N đứng tên, bà N nhận phần đất không có cống xổ vuông và nhà, giá trị thực tế của phần đất là 1.563.733.500 đồng, phần đất có tứ cận:

Mặt tiền (nằm trong đoạn M1-M16 thể hiện trên bản vẽ trích đo hiện trạng) giáp lộ xi măng 2,5m.

Mặt hậu (nằm trong đoạn M19-M20 thể hiện trên bản vẽ trích đo hiện trạng) giáp với đất ông Trịnh Xuân D.

Mặt tiền nhìn vào vách phải giáp đất ông P được chia.

Mặt tiền nhìn vào vách trái giáp đất ông Trịnh Đình Hi.

- ½ giá trị căn nhà và tài sản trong nhà bằng 160.000.000 đồng từ ông P giao.

- Một chiếc xe hiệu Airblade, mua năm 2012, do bà N đứng tên và đang quản lý sử dụng, giá mua không nhớ, hiện nay đã bị hư hỏng không còn giá trị.

- Một cái bồn nhựa loại 1.000 lít.

- Một đầu máy hiện Siren, mua đã lâu, là tài sản riêng của bà N; 01 chân máy máy may, giá mua 250.000 đồng và 01 chân máy vắt sổ, giá mua 250.000 đồng, các tài sản này hiện nay không còn giá trị.

- 03 bàn Inox và 20 ghế nhựa.

Tổng giá trị tài sản mà bà N được nhận là 1.723.733.500 đồng.

Ông Trần Hoàng P được chia:

- ½ phần đất phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 22.339,05m^2, phần đất được cắt từ tiền đến hậu của 02 phần đất tọa lạc Khóm S, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, trong đó có một phần chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng và 01 phần năm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng do bà N đứng tên, ông P nhận phần đất có căn nhà cấp 4 và cống xổ vuông, có tứ cận:

Mặt tiền (nằm trong đoạn M1-M16 thể hiện trên bản vẽ trích đo hiện trạng) giáp lộ xi măng 2,5m;

Mặt hậu (nằm trong đoạn M19-M20 thể hiện trên bản vẽ trích đo hiện trạng) giáp với đất ông Trịnh Xuân D.

Mặt tiền nhìn vào vách trái giáp đất bà N được chia.

Mặt tiền nhìn vào vách phải giáp đất bà Dương Thị C.

Được nhận căn nhà, trừ các tài sản sinh hoạt trong gia đình mà bà N được nhận, các tài sản còn lại và các cây trồng là của ông P, có trách nhiệm giao bà N ½ giá trị bằng 160.000.000 đồng và ½ phần đất phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 22.339,05m^2 mà ông đang quản lý. Tổng giá trị các tài sản ông P nhận là 1.741.133.500 đồng.

Các tài sản khác do các đương sự không yêu cầu phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự, gồm:

- Một phần đất diện tích 13.560m^2 tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau, phần đất hiện nay do ông O đứng tên quyền sử dụng, phần đất này bà N và ông P đã được ông O hứa tặng cho nên đã cầm cố cho vợ chồng ông D với số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn hợp đồng chưa hết nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần đất.

- Số cây đước trồng ven bờ cặp ranh đất ông Hiếu, chạy dài từ tiền đến hậu, trồng từ năm 2021 và cây đước nhỏ tự lên rải rác trên phần đất nuôi trồng thủy sản nêu trên. Hiện tại số cây đước này đã bị bán, bà N và ông P tự thỏa thuận đối với số tiền bán đước và không yêu cầu xem xét.

- Tiền xổ vuông do ông Trần Hoàng P quản lý từ tháng 4/2023 đến nay.

Xét yêu cầu thanh toán nợ.

- Nợ Ngân hàng N (tính đến ngày 28/3/2024) là 1.681.619.645 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.535.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 122.753.739 đồng; nợ lãi quá hạn 23.865.906 đồng, bà N yêu cầu chia đôi số nợ này. Ông P chỉ thừa nhận nợ N hàng số tiền vốn vay 400.000.000 đồng và chỉ đồng ý thanh toán 200.000.000 đồng, lời trình bày của ông P là không hợp lý, bởi lẽ: Số nợ ông P vay 400.000.000 đồng trước ngày 07/7/2022 nhưng ông không nhớ rõ năm nào và đã trả nợ hay chưa. Bà N thừa nhận có khoản nợ 400.000.000 đồng, tại thời điểm đó gia đình bị mắc nợ nhiều người, các con đang đi học chi phí tốn kém rất nhiều, sau đó người con lớn vỡ hụi, ông và bà đã đứng ra gánh một phần trách nhiệm. Được sự đồng ý của ông P nên ngày 11/7/2022 bà N đã vay số tiền là 1.400.000.000 đồng và N hàng xác định việc ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7509-LCL202200570 ngày 07/7/2022 giữa bà Hồ Kim N, ông Trần Hoàng P với N hàng N – Chi nhánh huyện Nn là đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định nhằm để đảm bảo khoản vay là 1.400.000.000 đồng.

Hạn thanh toán là ngày 07/10/2022, nhưng từ khi vay tiền thì bà N và ông P không thực hiện việc đóng lãi và thanh toán nợ gốc. Đến ngày 13 tháng 6 năm 2023, Chi nhánh Ngân hàng N huyện N tiếp tục ký kết hợp đồng tín dụng số 7509-LAV-202301542 với bà Hồ Kim N cho vay khoản tiền là 1.535.000.000 đồng. Mặc dù, hợp đồng tín dụng số 7509-LAV-202301542 ngày 13 tháng 6 năm 2023 được ký kết sau khi bà N và ông P ly hôn nhưng đây vẫn là khoản nợ chung của bà N, ông P vì khoản nợ này nhằm để thanh toán khoản vay ngày 11/7/2022 với số tiền là 1.400.000.000 đồng và lãi suất phát sinh theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7509-LCL202200570 ngày 07/7/2022 và sử dụng vào mục đích thiết yếu của gia đình.

Vậy tổng số tiền vay và lãi mà bà Hồ Kim N và ông Trần Hoàng P phải thanh toán cho N hàng tổng cộng (tạm tính đến ngày 28/3/2024) là 1.681.619.645 đồng.

- Nợ ông U số tiền 30.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K vào năm 2017, được bà N vay để trang trải cuộc sống của gia đình. Ông U yêu cầu bà Hồ Kim N, ông Trần Hoàng P cùng có trách nhiệm thanh toán khoản nợ này.

- Nợ ông O số tiền 112.000.000 đồng, trong đó có 45.000.000 đồng tiền vốn ông O gửi để hàng tháng vợ chồng bà N gửi lại ông O 500.000 đồng để ông sử dụng cá nhân (không trừ vốn) và tiền ông O nhờ ông P bán gà giúp là 7.000.000 đồng. Sự việc được các bên thừa nhận, nay ông O chỉ yêu cầu bà N thanh toán khoản nợ này vì cho rằng ông P không liên quan.

Ông P cho rằng không biết các khoản nợ của ông O và ông U, xét lời trình bày của ông P là không phù hợp vì hai khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, bà N là người được ông P tin tưởng giao hết việc quản lý tiền bạc và chi tiêu trong gia đình, bà N không tham gia tệ nạn xã hội, mục đích của hai khoản nợ đều dùng vào việc chi xài trong gia đình, chăm lo cho đời sống hiện tại và khi về già của ông O (cha ruột ông P). Ông O và ông U đều có yêu cầu độc lập nên Hội đồng xét xử buộc bà N và ông P cùng có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ này.

- Nợ vợ chồng ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị L 500.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố đất ngày 08/9/2021, ông P và bà N thống nhất chia đôi vì vậy xác định đây là khoản nợ chung của bà Hồ Kim N, ông Trần Hoàng P. Xét thấy, hợp đồng này chưa đến hạn (10 năm kể từ ngày ký) và ông D, bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đòng xét xử không xem xét.

- Nợ ông T số tiền 32.000.000 đồng. Toà án đã có thông báo cho ông nộp đơn yêu cầu độc lập và nộp tiền tạm ứng án phí nhưng ông T không thực hiện nên căn cứ Điều 5, điểm d khoản 1 Điều 192 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là có căn cứ.

Tổng số nợ chung bà N và ông P phải liên đới thanh toán 1.823.619.645 đồng và 03 chỉ vàng 24k, bà N và ông P mỗi người trả ½ là 911.809.823 đồng và 1,5 chỉ vàng 24k là phù hợp với quy định các điều 27, 37, 60 của Luật hôn nhân và gia đình, các điều 463, 470 Bộ luật dân sự.

Trường hợp, bà Hồ Kim N và ông Trần Hoàng P không thanh toán được cho N hàng khoản tiền vay tổng cộng là 1.681.619.645 đồng thì N hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản của bà N và ông P theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7509-LCL-202200570 ngày 07/7/2022. Tài sản thế chấp là: QSD đất số DG605076 do Sở TN&MT tỉnh Cà Mau cấp ngày 24/6/2022, diện tích 29.680m^2 do bà Hồ Kim N đứng tên, số thửa 822, tờ bản đồ số 42, tọa lạc tại Khóm S, Thị Trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau để đảm bảo thu hồi nợ cho N hàng.

Đối với ông Trần Văn D là người mua gà do ông P bán giùm ông Trần Văn O, khi ông D hốt hụi thì bà N đã đối trừ tiền bán gà qua tiền hụi. Hiện tại ông Dũng vẫn còn nợ tiền hụi của bà N nhưng do bà N, ông P và ông O không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đưa ông Dũng vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở.

Đối với khoản tiền trả nợ cho anh Trần Tuấn S (con của bà N, ông P), do các đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét.

Về chi phí tố tụng: Chi phí trích lục hồ sơ là 300.000 đồng ông P đồng ý chịu số tiền này. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc hiện trạng đất và tài sản với số tiền là 23.763.000 đồng, bà N và ông P mỗi người chịu ½ là 11.881.500 đồng, ông P đã nộp tạm ứng chi phí này nên buộc bà N có trách nhiệm trả lại cho ông P 11.881.500 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định pháp luật.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung và nợ trả có giá ngạch.

Do yêu cầu độc lập của Ngân hàng N, ông Trần Văn O, ông Hồ Minh U được chấp nhận nên N hàng, ông U, ông O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, N hàng được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp, đối với ông U và ông O được miễn nộp tiền tạm ứng án phí. Sau khi trừ đi giá trị tài sản mà bà N có nghĩa vụ đối với người có yêu cầu độc lập, bà Hồ Kim N và ông Trần Hoàng P chịu 50% án phí có giá ngạch đối với tài sản được chia, bà N được đối trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 12, khoản 6, 7 Điều 26, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Ý kiến của Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông O là không phù hợp như đã phân tích nêu trên.

* Đối với yêu cầu tạm ngừng phiên tòa để thu thập tài liệu chứng cứ về khoản vay 400.000.000 đồng của ông P tại Ngân hàng N, thu thập chứng cứ về việc sử dụng số tiền vay Ngân hàng của bà N không vì mục đích gia đình, Hội

đồng xét xử xét thấy đây là quyền, nghĩa vụ chứng minh của đương sự, do bị đơn không chứng minh được nên phải chịu hậu quả của việc không chứng minh được, Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 147, khoản 2 Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 27, 37, 59 và Điều 60 Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 12, khoản 6, 7 Điều 26, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Công nhận thỏa thuận của bà Hồ Kim N và ông Trần Hoàng P về việc chia tài sản chung tại biên bản hòa giải lập ngày 07/8/2023 và biên bản đối chất ngày 08/01/2024, cụ thể là:

Bà Hồ Kim N được chia:

- ½ phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 22.339,05m^2 (phần đất được cắt từ tiền đến hậu của 02 phần đất mà bà N và ông P đang sử dụng) tọa lạc Khóm S, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau, trong đó có một phần chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng và một phần năm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng do bà N đứng tên, bà N nhận phần đất không có công xổ vuông và nhà, giá trị thực tế của phần đất là 1.563.733.500 đồng, phần đất có tứ cận:

Mặt tiền (nằm trong đoạn M1-M16 thể hiện trên bản vẽ trích đo hiện trạng) giáp lộ xi măng 2,5m.

Mặt hậu (nằm trong đoạn M19-M20 thể hiện trên bản vẽ trích đo hiện trạng) giáp với đất ông Trịnh Xuân D.

Mặt tiền nhìn vào vách phải giáp đất ông P được chia.

Mặt tiền nhìn vào vách trái giáp đất ông Trịnh Đình H.

- ½ giá trị căn nhà và tài sản trong nhà bằng 160.000.000 đồng từ ông P giao.

- Một chiếc xe hiệu Airblade, mua năm 2012, do bà N đứng tên và đang quản lý sử dụng, giá mua không nhớ, hiện nay đã bị hư hỏng không còn giá trị.

- Một cái bồn nhựa loại 1.000 lít.

- Một đầu máy hiện Siren, mua đã lâu, là tài sản riêng của bà N; 01 chân máy máy may, giá mua 250.000 đồng và 01 chân máy vắt sổ, giá mua 250.000 đồng, các tài sản này hiện nay không còn giá trị.

- Ba bàn Inox và 20 ghế nhựa.

Tổng giá trị tài sản mà bà N được nhận là 1.723.733.500 đồng.

Ông Trần Hoàng P được chia:

- ½ phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 22.339,05m^2, phần đất được cắt từ tiền đến hậu của 02 phần đất tọa lạc Khóm S, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, trong đó có một phần chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng và một phần năm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng do bà N đứng tên, ông P nhận phần đất có căn nhà cấp 4 và cống xổ vuông, giá trị thực tế của phần đất là 1.563.733.500 đồng, phần đất có tứ cận:

Mặt tiền (nằm trong đoạn M1-M16 thể hiện trên bản vẽ trích đo hiện trạng) giáp lộ xi măng 2,5m.

Mặt hậu (nằm trong đoạn M19-M20 thể hiện trên bản vẽ trích đo hiện trạng) giáp với đất ông Trịnh Xuân D.

Mặt tiền nhìn vào vách trải giáp đất bà N được chia.

Mặt tiền nhìn vào vách phải giáp đất bà Dơng Thị C.

- Một căn nhà cấp 4 xây cất năm 2012, diện tích 127,8m^2, nhà cất trên phần đất diện tích 29.680m^2, tọa lạc tại Khóm S, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Hiện trạng: Nhà hình chữ "L" loại nhà cao cẳng, chiều ngang mặt tiền (1) 4,70m và (2) 4,12m, mặt hậu 8,80m, chiều dài 18m, nhà lợp tol sóng vuông, đóng la phông, đòn tay kẻm, cột bê tông, vách xây tường. Nhà có 02 phòng ngủ, 01 phòng khách và một phòng tắm (Tollet), cửa chính, cửa hông và cửa sau là cửa sắt, 05 cửa xổ, 02 cửa phòng và 01 cửa tollet đều bằng kiếng nhôm, lan can khoảng 20m bằng Inox và gang, nền lót gạch men, giá trị khi cất khoảng 619.000.000 đồng, giá trị thực tế 300.000.000 đồng.

Các tài sản sinh hoạt trong gia đình gồm:

+ Một cái giường bằng cây gỗ miền đông, giá mua 7.000.000 đồng, giá thực tế 2.000.000 đồng;

+ Một bộ Salong bằng cây gỗ miền đông, mua năm 2013, giá mua 20.000.000 đồng, giá thực tế 6.000.000 đồng;

+ Một tủ thờ bằng cây gỗ miền đông, mua năm 2013, giá mua 13.000.000 đồng, giá hiện nay 4.000.000 đồng.

+ Một tủ chén bằng nhôm kiếng, mua năm 2017, giá mua khoảng 3.500.000 đồng, giá hiện nay 1.400.000 đồng.

+ Hai tủ quần áo bằng nhôm kiếng, mua năm 2018, giá mua mỗi cái 4.000.000 đồng, giá hiện nay mỗi cái 2.000.000 đồng.

+ Một tivi hiệu Casper màn hình phẳng, 43Inchs, giá mua 8.000.000 đồng, giá hiện nay 2.000.000 đồng.

+ Một máy lạnh hiệu Panasonic, mua năm 2018, loại 01 ngựa, giá mua 10.000.000 đồng, giá hiện nay 3.000.000 đồng.

+ Một giàn khoan, máy dầu hiệu Dang Đông, dùng để cải tạo đất, mua năm 2020, giá mua 32.000.000 đồng, giá hiện nay 15.000.000 đồng.

+ Một cống xổ vuông xây năm 2005, đã bị hư hỏng.

+ Một tủ bếp bằng nhôm kiếng, mua năm 2003, giá mua 1.000.000 đồng, giá trị hiện nay không còn.

+ Một tủ lạnh hiệu Sharp đã hư hỏng, một tủ lạnh hiệu Aqua của riêng ông P.

+ Một tủ ly bằng nhôm kiếng, mua năm 2013, giá mua 1.500.000 đồng, hiện nay không còn giá trị.

+ Ba cái bàn bằng Inox, 18 ghế Inox và 22 ghế nhựa, hiện nay không còn giá trị.

+Một bồn nước bằng nhựa loại 1.000 lít, một bồn bằng Inox, hiện nay không còn giá trị.

+ Một chòi lá cất phía trước nhà, đã bị hư hỏng.

Các cây trồng trên đất:

+ 01 bụi tre gai và 01 bụi tre ăn măng.

+ 07 cây dừa, trong đó có 03 cây dừa đang cho trái và 04 cây dừa trồng năm 2021.

+ 02 Cây xoài trồng năm 2021.

+ Một số bụi chuối sứ trồng đã lâu.

+ Một đám lá khoảng 1.000m^2 được trồng trên phần đất nuôi trồng thủy sản chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng.

+ 04 gốc mai lớn trước mặt tiền nhà, trồng khoảng 04 năm, loại mai vàng.

Tổng giá trị các tài sản ông P nhận là: 1.741.133.500 đồng.

Ông Trần Hoàng P có trách nhiệm giao bà N ½ giá trị căn nhà và một số tài sản trong nhà bằng 160.000.000 đồng, ½ phần đất phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 22.339,05m^2 mà ông đang quản lý, bà N được nhận đất và tiền do ông P giao.

- Đối với các tài sản khác, do các đương sự không yêu cầu phân chia nên Hội đồng xét xử không xem xét bao gồm:

Một phần đất diện tích 13.560m^2 tọa lạc tại ấp A, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau, phần đất hiện nay do ông O đứng tên quyền sử dụng, phần đất này bà N và ông P đã được ông O hứa tặng cho nên đã cầm cố cho vợ chồng ông D và bà L với số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn hợp đồng chưa đến hạn.

Số cây đước trồng ven bờ cặp ranh đất ông H, chạy dài từ tiền đến hậu, trồng từ năm 2021 và cây đước nhỏ tự lên rải rác trên phần đất nuôi trồng thủy sản. Hiện tại số cây đước này đã bị bán, bà N và ông P tự thỏa thuận đối với số tiền bán cây có được.

Tiền xổ vuông do ông Trần Hoàng P quản lý từ tháng 4/2023 đến nay.

- Xác định các khoản nợ của Ngân hàng N, ông Hồ Minh U, ông Trần Văn O là nợ chung của bà Hồ Kim N và ông Trần Hoàng P. Buộc bà Hồ Kim N và ông Trần Hoàng P có trách nhiệm liên đới thanh toán các khoản nợ tổng cộng là 1.823.619.645 đồng và 03 chỉ vàng 24k; trong đó mỗi người có trách nhiệm thanh toán nợ là 911.809.823 đồng và 1,5 chỉ vàng 24k, cụ thể:

Nợ N hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền tạm tính đến ngày 28/3/2024 là 1.681.619.645 đồng (trong đó: Nợ gốc: 1.535.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn 122.753.739 đồng; nợ lãi quá hạn 23.865.906 đồng.

Nợ ông Hồ Minh U số tiền mượn (vay không lãi) 30.000.000 đồng và 03 chỉ vàng 24K.

Nợ ông Trần Văn O 112.000.000 đồng, trong đó tiền gửi là 105.000.000 đồng và tiền bán gà 7.000.000 đồng.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí trích lục hồ sơ là 300.000 đồng ông P chịu toàn bộ số tiền này. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc hiện trạng đất và tài sản với số tiền là 23.763.000 đồng, bà N và ông P mỗi người chịu ½ là 11.881.500 đồng, ông P đã nộp tạm ứng chi phí này nên buộc bà N có trách nhiệm trả lại cho ông P 11.881.500 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án. Riêng khoản nợ của Ngân hàng, kể từ ngày 29/3/2024 trường hợp bà Hồ Kim N và ông Trần Hoàng P chậm thanh toán số tiền trên thì phải chịu thêm khoản lãi suất trên số nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận được ghi trong hợp đồng.

Trường hợp, bà Hồ Kim N và ông Trần Hoàng P không thanh toán được cho Ngân hàng khoản tiền vay tổng cộng là 1.681.619.645 đồng thì N hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản của bà N và ông P theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 7509-LCL-202200570 ngày 07/7/2022. Tài sản thế chấp là: QSD đất số DG605076 do Sở TN&MT tỉnh Cà Mau cấp ngày 24/6/2022, diện tích 29.680m^2 do bà Hồ Kim N đứng tên, số thửa 822, tờ bản đồ số 42, tòa lạc tại Khóm S, thị trấn N, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau để đảm bảo thu hồi nợ cho N hàng.

Xác định khoản nợ vợ chồng ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị L tiền cố đất 500.000.000 đồng là nợ chung của bà Hồ Kim N và ông Trần Hoàng P, hợp đồng chưa đến hạn và các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đối với khoản nợ vay của ông Nguyễn Thanh T số tiền 32.000.000 đồng, do ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

+ Bà Hồ Kim N phải chịu án phí đối với tài sản được chia, sau khi trừ đi giá trị tài sản mà bà N có nghĩa vụ đối với người có yêu cầu độc lập, bà N chịu án phí là

57.687.000 đồng (tính tròn). Ngày 08 tháng 6 năm 2023 bà N đã nộp tạm ứng án phí 36.850.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016142 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được xem xét đối trừ, bà N phải nộp thêm số tiền 20.837.000 đồng.

+ Ông Trần Hoàng P phải chịu án phí đối với tài sản được chia, sau khi trừ đi giá trị tài sản mà ông P có nghĩa vụ đối với người có yêu cầu độc lập, ông P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 59.448.000 đồng (tính tròn).

+ N hàng A không chịu án phí và được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 29.076.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016167 ngày 28 tháng 6 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

+ Ông Trần Văn O và ông Hồ Minh U được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền